

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HS-ST
Ngày: 03-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Lại Văn Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân* :

1. Ông Đỗ Việt Hùng;

2. Bà Trần Thị Phụng.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Đình – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham
gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại nhà văn hóa xã HL, huyện Hải Hậu, tỉnh
Nam Định, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2017/HS- ST ngày 09
tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-
HS ngày 20 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh năm 1988 tại xã TĐ, huyện TN, tỉnh Nam Định; Nơi
cư trú: Xóm 3, xã TĐ, huyện TN, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Không; Văn
hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Phạm Đức Thủy, sinh năm 1960, con
bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ hai;
chưa có vợ, con.

Tiền án:

- Ngày 25-02-2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 04 năm tù
về tội “Cướp tài sản”;

- Ngày 14-12-2011, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xử phạt 18 tháng
tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- Ngày 29-11-2013, bị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 26-11-2004, bị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 27-4-2007, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng theo Quyết định của UBND tỉnh Nam Định .

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-7-2017 đến ngày 11-7-2017 chuyển tạm giam cho đến nay.

+ Bị hại:

1. Ông Phạm Quang L, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xóm 10, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

2. Vợ chồng chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1989;

Và anh Phạm Trung T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 10, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

3. Bà Trần Thị B, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Xóm 1, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

+ Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962.

Trú tại: Xóm 3, xã TĐ, huyện TN, tỉnh Nam Định.

(Có mặt bị cáo, ông L, anh T, vắng mặt chị Anh, bà B, bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 14-6-2017, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu XIONGSHI BKS 18Z4-1155 của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H từ nhà đến khu vực xã HL, mục đích nếu nhà nào sơ hở trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực nhà ông Phạm Quang L ở xóm 10, xã HL thấy cổng và cửa khóa không có người trông coi. T đã trèo qua tường bao vào trong sân và lấy 01 chiếc cửa loại cầm tay dài 48cm, lưỡi cửa dài 34 cm, tay cầm làm bằng gỗ để ở nhà kho. T đi ra phía sau nhà đến cửa sổ phía Bắc, dùng cửa sắt phá con song cửa sổ đột nhập

vào nhà ông L, T lục soát trong tủ gỗ lấy được 03 phong bao lì xì bên trong có 200.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASUZ màu xanh dương màn hình bị rạn vỡ (đây là tài sản của ông L). Tiếp đó, T dùng tay giật mạnh phá khóa cửa gian buồng phía Tây, vào lục soát trong tủ quần áo có 01 túi xách nữ màu đỏ lấy 02 chiếc nhẫn vàng 18K đựng trong hộp và số tiền 700.000đ (đây là tài sản của vợ chồng chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Trung T), toàn bộ số tài sản trên T bỏ vào túi quần bên phải theo lối cũ tẩu thoát ra ngoài.

Vụ thứ 2: Khoảng 11 giờ, ngày 21-6-2017, T điều khiển xe mô tô BKS 18Z4-1155 mang theo 01 chiếc cưa dài khoảng 25cm mục đích đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà Trần Thị B ở xóm 1, xã HĐ, huyện HH thấy nhà bà B khóa cổng, khóa cửa không có người trông coi. T trèo qua tường bao phía Tây sát cổng, vòng ra sau nhà, đến cửa sổ phía bắc, đã dùng cưa cắt con song đột nhập vào nhà bà B lục soát tài sản và lấy được 900.000đ và 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GT-E1050 để trên tủ gỗ giữa nhà. T bỏ số tài sản trên vào túi quần bên phải theo lối cũ ra ngoài.

Bị cáo Phạm Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Đức T đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Bị cáo biết rõ số tài sản nêu trên là của người dân cất giữ trong nhà nhưng bị cáo vẫn cố tình lấy trộm với mục đích bán lấy tiền ăn tiêu, mua ma túy để sử dụng thể hiện rõ ý chí của bị cáo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL/HĐ ĐG ngày 05-7-2017 của Hội đồng định giá huyện HH kết luận: Tại thời điểm định giá trên thị trường 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASUZ màu xanh dương, màn hình cảm ứng bị rạn vỡ, đã qua sử dụng trị giá 700.000đ; 02 nhẫn vàng 18K loại 01 chỉ trị giá là 2.400.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GT-E1050 vỏ màu đen, bị vỡ mất 01 phần phím nhựa có trị giá 200.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 55/CT-VKS ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HH truy tố bị cáo Phạm Đức T về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện HH truy tố tại bản cáo trạng số: 55/CT-VKS ngày 09 tháng 10 năm 2017, cụ thể:

Truy tố:

Phạm Đức T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02-7-2017. Đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về phần bồi thường dân sự tại phiên tòa ông Phạm Quang L, anh Phạm Trung T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị cáo đã lấy và trị giá những tài sản bị cáo đã bán đi không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Phạm Đức T tỏ ra ăn năn hối lỗi, xin hứa sẽ sửa chữa lỗi lầm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Đức T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Biên bản về việc người phạm tội đầu thú, lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong các ngày 14-6-2017 và ngày 21-6-2017, lợi dụng sơ hở của gia đình ông Phạm Quang L và bà Trần Thị B. Bị cáo đã đột nhập vào nhà trộm cắp được số tiền 1.800.000đ, 02 điện thoại di động, 02 nhẫn vàng, có tổng trị giá tài sản 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng). Bị cáo T có 03 tiền án,

chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 thì “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm ” Tái phạm nguy hiểm, như vậy, hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

[3] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được rõ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, lười lao động, bản thân, ngày 25-02-2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 14-12-2011, bị Tòa án nhân dân huyện HH xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 29-11-2013, bị Tòa án nhân dân huyện TN xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra: Ngày 26-11-2004, bị Tòa án nhân dân huyện TN xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27-4-2007, bị cáo bị áp dụng xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 theo Quyết định của UBND tỉnh Nam Định. Bị cáo không lấy đó là bài học, tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 14-6-2017 và ngày 21-6-2017 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi của mình nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[7] Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích do gia đình, xã hội, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn bị phạt bổ sung từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo cho thấy bị cáo nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập, đang sống phụ thuộc vào gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Đối với chiếc xe mô tô BKS 18Z4 -1155 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị H, bà H không biết T dùng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại xe cho bà H quản lý, sử dụng là phù hợp. Hai chiếc cửa sắt sau khi T sử dụng để cắt phá con song cửa sổ của nhà ông L, bà B, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại ASUZ và 01 điện thoại SAM SUNG, đây là tài sản hợp pháp của ông L và bà B nên Cơ quan điều tra đã trả lại ông L và bà B quản lý, sử dụng là phù hợp. Về số tiền và tài sản bị cáo trộm cắp của ông L 200.000đ, bà B 900.000đ, vợ chồng chị Anh và anh T 700.000đ + 02 chiếc nhẫn vàng 18k trị giá 2.400.000đ, bị cáo đã bán và ăn tiêu hết số tiền trên hiện không thu hồi được. Xét cần buộc bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền và bồi thường trị giá tài sản trên cho những người bị hại nêu trên là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm:: Bị cáo Phạm Đức T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù, tính từ ngày 02-7-2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Phạm Quang L 200.000đ, vợ chồng chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Trung T 3.100.000đ và bà Trần Thị B 900.000đ.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)

cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Đức T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền khán cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện (2 bản);
- Công an huyện HH (3 bản);
- Thi hành án phạt tù (2 bản);
- Chi cục thi hành án dân sự (1 bản);
- UBND xã TĐ (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu hồ sơ + VP (2 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lại Văn Tùng